

MỘT SỐ TÁC ĐỘNG TỪ PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO MIỀN TRUNG ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dương Thanh Mừng

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt. Phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung diễn ra vào những thập niên đầu của thế kỉ XX là một trong những hiện tượng nổi bật trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thời cận hiện đại. Bằng nhiều hoạt động quan trọng, phong trào đã tạo ra những bước ngoặt mới, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong những thập kỉ tiếp theo. Bài viết này tập trung đi sâu phân tích và trình bày một số nét cơ bản về những tác động từ phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Trung đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam, qua đó góp phần bổ cứu nguồn tư liệu nhằm làm phong phú thêm đặc điểm của lịch sử tư tưởng dân tộc diễn ra vào thế kỉ XX.

Từ khoá: Chấn hưng; Phật giáo; An Nam; miền Trung; Phật học

1. PHONG TRÀO ĐÃ GÓP PHẦN ĐƯA PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐI ĐẾN THỐNG NHẤT

Nhu yếu thống nhất Phật giáo Việt Nam được đặt ra từ những năm đầu của thế kỉ XX. Tuy nhiên, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau nên ý tưởng này vẫn chưa nhận được sự đồng thuận của các bậc tăng, ni trên toàn quốc. Phong trào chấn hưng Phật giáo khởi phát khắp 3 miền Nam - Trung - Bắc tiếp theo sau ý tưởng thống nhất Phật giáo đã tạo nên những tiền đề quan trọng cho quá trình tiến tới thống nhất Phật giáo trong cả nước.

Tại miền Trung, trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo đã hình thành các tổ chức giáo hội là Hội An Nam Phật học ở Huế (1932), Hội Phật học Bình Định (1934), Hội Phật học Đà Thành tại Đà Nẵng (1937). Sự hình thành những tổ chức giáo hội Phật giáo ở những thời điểm khác nhau đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phong trào chấn hưng đi vào chiều sâu và thu được nhiều kết quả. Có thể nói, Hội Phật học Bình Định hay Hội Phật học Đà Thành được hình thành đều bắt nguồn từ mô hình của Hội An Nam Phật học và mục đích cuối cùng của các Hội là đều nhằm đoàn kết tăng ni ba miền, tiến tới thành lập Giáo hội Phật giáo thống nhất trong toàn quốc. Điều đáng nói là trong quá trình tiến tới thống nhất Phật giáo, Hội An Nam Phật học có sức ảnh hưởng lớn nhất. Do vậy, chúng tôi xin được tập trung đi sâu phân tích một số đặc điểm của Hội này.

Về thành phần tham gia, có 3 thành phần chính: Thứ nhất là những người tân học, có bằng cấp cao về Tây học và Hán học. Thứ hai là những nhà nho danh tiếng,

trong đó có người đỗ đạt khoa bảng như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng... *Thứ ba* và cũng là thành phần quan trọng nhất là giới tăng sĩ.

Mục đích thành lập của Hội nhằm: “*Thiết hành và truyền bá đạo Phật. Trong hội quán, không được luận bàn về chính trị và công kích các tôn giáo đã có chỗ đứng trong bản xứ*” [5, tr. 59]. Mặt khác, “*làm hậu thuẫn để chấn hưng và duy trì phát triển Phật giáo. Bảo trì các vị tăng già có giới hạnh, có khả năng hướng dẫn Phật tử. Công bố và hoạt động cho lý tưởng từ bi, chống thù hận, chia rẽ và gây chiến tranh*” [7, tr. 26].

Về *cơ cấu tổ chức*, đứng đầu Hội là Ban Trị sự gồm có 2 người: Chánh - Phó Hội trưởng, tiếp đến là hai người Chánh - Phó Thư kí, Chánh - Phó Thủ quỹ, ba người kiểm soát viên và cuối cùng là hai cố vấn. Toàn Ban Trị sự gồm có 11 người đều do các cư sĩ đảm nhiệm. Hội An Nam Phật học lại thỉnh các vị Thiền sư đức cao, vọng trọng để lập nên Ban Chứng minh Đạo sư. Đồng thời, thỉnh các tăng, ni có nhiệt tâm chấn hưng Phật giáo vào Ban Giảng sư [1, tr. 387].

Về *cách thức tổ chức*, trên hết là Hội An Nam Phật học đóng ở chùa Từ Đàm (Huế). Dưới Hội là Tỉnh hội, dưới nữa là cấp huyện thì có các Chi hội, mỗi chi hội gồm nhiều Khuôn hội tại các làng xã và cuối cùng là các Vực. “*Đứng đầu mỗi Khuôn hội là Khuôn trưởng và Ban Trị sự của Khuôn gọi là Tịnh Độ. Hội viên của Khuôn hội có cả nam lẫn nữ và không kể về mặt tuổi tác*” [1, tr. 388].

Xét từ cơ cấu đến cách thức tổ chức có thể nói rằng, Hội An Nam Phật học là “*một dạng nguyên thủy của một Giáo hội Phật giáo có quy mô toàn quốc*” [8, tr. 108]. Nếu như ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ, cơ cấu tổ chức các Hội Phật giáo chỉ bao gồm 2 cấp là Trung ương Hội và Ban Đại lí Hội thì ở Trung Kỳ đã hình thành cơ cấu tổ chức gồm 6 cấp là Trung ương, Tỉnh, Huyện, Chi, Khuôn và Vực. Với cơ cấu tổ chức này cho phép Hội An Nam Phật học tạo nên những mối quan hệ hành chính đạo chặt chẽ giữa các cấp, giữa các tầng tín đồ Phật giáo với quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, nếu như ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ chúng ta không thấy sự hình thành tổ chức theo cơ cấu dọc, thì ở An Nam Phật học Hội đã có sự tổ chức chặt chẽ theo cơ chế hàng dọc từ trung ương xuống đến địa phương và ngược lại. Tính chính đáng của Hội càng thêm khẳng định khi mô hình tổ chức của Hội chính thức được chính quyền trung ương phê chuẩn và cho phép hoạt động. “*Sự thể càng thêm khẳng định khi chúng ta biết mô hình tổ chức này lại được chính nhà vua phê chuẩn, cho thấy tính chính đáng và hợp pháp của An Nam Phật Học hội trên dải đất miền Trung do triều đình Huế cai quản*” [4, tr. 64].

Cùng với sự ra đời của những tổ chức cơ sở của một Giáo hội trong tương lai, chúng ta đã chứng kiến một loại hình Giáo hội hoàn toàn mới ra đời vào năm 1932

là Hội An Nam Phật học. Trước đó năm 1931, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học ra đời, song tổ chức này không thể làm hình mẫu cho một Giáo hội trong tương lai. Muộn hơn, vào năm 1935, ở ngoài Bắc cũng hình thành Hội Phật giáo Bắc Kỳ, nhưng tổ chức này cũng không thể có được một mô hình tổ chức nào khả dĩ làm mẫu cho một Giáo hội mới. Vì vậy, “*có thể xem An Nam Phật học Hội là hình mẫu của một Giáo hội toàn quốc vào năm 1951, khi tăng già và cư sĩ của sáu tổ chức Phật giáo tiến hành đại hội thống nhất lần thứ nhất tại chùa Từ Đàm (Huế)*” [8, tr. 112].

Sự ra đời của Tổng hội Phật giáo Việt Nam năm 1951 là đỉnh cao và là sự kết thúc giai đoạn một (1920-1951) trong phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam thế kỉ XX. Mặc dù, sự thống nhất Phật giáo lần thứ nhất này còn có nhiều hạn chế, song nó đã thực sự tạo nên những nguồn sức mạnh vô cùng lớn lao cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo. Sau gần 20 thế kỉ du nhập và đồng hành cùng dân tộc, đây là lần đầu tiên Phật giáo đồ trong cả nước có chung một mái ấm thực sự và cùng nhau thể hiện những khát vọng của mình. Điều quan trọng hơn là chính từ mái ấm này, đã tạo nên sức mạnh đoàn kết cho Phật giáo Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong lòng dân tộc.

2. HÌNH THÀNH VÀ XÂY DỰNG CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ CÁC CẤP-TẠO ĐÀ VÀ LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Theo trình tự của thời gian, các đoàn thể Phật giáo miền Trung đã được tập hợp dưới một tổ chức thống nhất với tên gọi là Gia đình Phật tử. Tiền thân của nó chính là từ những Ban Đồng Ấu được hình thành từ năm 1935. Bước vào những năm 40 của thế kỉ XX, chính sách đánh lạc hướng thanh niên vào những giấc mộng ru êm của thực dân Pháp được tiến hành đến mức độ tinh vi và có hiệu quả mạnh. Văn chương lãng mạn của Tự Lực Văn Đoàn với hàng trăm cuốn tiểu thuyết, được thanh niên nam nữ say mê đọc đến quên ăn, quên ngủ. Bên cạnh đó, thực dân Pháp lại tiến hành các hoạt động như *Phong trào Hướng đạo đoàn*, *Phong trào Quốc Anh đoàn* trong tất cả các trường học, hướng giới thanh niên vào con đường tài hoa son trẻ để lãng quên bốn phận và nghĩa vụ đối với dân tộc. Trong hoàn cảnh đó, một nhóm thanh niên khoảng 12 người, xuất phát từ các gia đình Phật giáo truyền thống đã cùng nhau lập “*Đoàn thanh niên Phật học Đức Dục*” dưới sự dẫn dắt và bảo trợ của Hội An Nam Phật học. Mục đích của Đoàn là “*tập hợp đội ngũ thanh niên trí thức nghiên cứu Phật giáo; mở các lớp triết học, so sánh nghiên cứu ba tôn giáo Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo; dùng các hình thức phổ biến như báo chí, sách truyện tiến đến thành lập các đoàn thể thanh niên Phật giáo*” [2, tr. 27].

Đến năm 1947, Tổng Trị sự Hội An Nam Phật học quyết định cải tổ chương trình tu học, hợp nhất các tổ chức trên thành một tổ chức thống nhất lấy tên gọi là Gia đình Phật hoá phổ. Mục đích của Gia đình Phật hoá phổ là “*đào tạo những Phật*

tử chân chính và xây dựng hạnh phúc trên nền luân lý đạo Phật, với châm ngôn là Hoà thuận - Tin yêu - Vui vẻ” [2, tr. 28].

Trước sự phát triển mạnh mẽ của các Gia đình Phật hoá phổ đã đặt ra yêu cầu về sự hợp nhất nhằm thống nhất về cách thức tu học, sinh hoạt cũng như đường lối hoạt động. Tháng 4 năm 1951, diễn ra *Đại hội Huynh trưởng Gia đình Phật hoá phổ toàn quốc* tại chùa Từ Đàm (Huế), gồm đại biểu của 8 tỉnh miền Trung và đại diện của các Gia đình Phật hoá phổ ở hai miền Nam - Bắc. Mục đích của Đại hội là báo cáo về tình hình sinh hoạt, phát triển của Gia đình Phật hoá phổ tại các vùng miền, trao đổi kinh nghiệm xây dựng Gia đình Phật hoá phổ,... Tại Đại hội này, tên gọi của Gia đình Phật hoá được đổi thành Gia đình Phật tử Việt Nam. Đồng thời, Đại hội cũng đã thống nhất bản nội quy Gia đình Phật tử nhằm: *“Huấn luyện thanh thiếu và đồng niên Phật tử về phương diện trí dục, đức dục và thể dục trên nền tảng Phật giáo, để đào tạo những Phật tử chân chính” [2, tr. 28].*

Đại hội Huynh trưởng đánh dấu một bước phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng của Gia đình Phật tử. Với sự phát triển đáng kể như vậy, Gia đình Phật tử đã trở thành một lực lượng quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển Phật giáo. Cách thức tổ chức Gia đình Phật tử chặt chẽ; đường hướng giáo dục thanh thiếu niên mang những sắc thái độc đáo, phương pháp giáo dục linh hoạt, hợp với từng lứa tuổi; phối hợp nhiều môn học khác nhau. Tất cả đều được xây dựng trên nền tảng và tinh thần Phật giáo. Qua đó, góp phần đào tạo ra hàng vạn thanh niên nam nữ có mục đích và lí tưởng sống cao đẹp - đó chính là sự kết hợp hài hoà giữa đạo và đời, giữa Phật pháp và xã hội, giữa tự do tín ngưỡng với độc lập và khát vọng độc lập, thống nhất. Chính vì vậy, Gia đình Phật tử đã sớm trở thành nơi hội tụ của nhiều thanh niên và trí thức có tâm huyết với sự tồn vong của đạo pháp và dân tộc. Cần phải nói thêm rằng, giới lãnh đạo phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung đã sớm nắm bắt được xu thế và yêu cầu của thời cuộc. Bởi vì, chấn hưng Phật giáo không những chỉ dừng lại ở việc chinh đồn tăng hạnh của các bậc Tăng già, xiển dương các giá trị Phật giáo hay là đào tạo tăng tài mà nó còn phải *làm mới* các giá trị Phật giáo, làm cho Phật giáo ngày càng trở nên phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại. Do vậy, đến khi các tổ chức đoàn thể thống nhất với tên gọi là Gia đình Phật tử, Phật giáo miền Trung đã đóng góp một lực lượng khá đông đảo những thành phần làm trụ cột cho các hoạt động của Gia đình Phật tử trên khắp cả nước, đặc biệt là đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc.

3. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Một cơ thể Phật giáo khoẻ mạnh sẽ cho phép cơ thể đó chống lại được nhiều yếu tố khách quan từ bên ngoài tác động vào. Hẳn nhiên, khi sức đề kháng của cơ thể bị suy giảm nó sẽ kéo theo sự xuống cấp của nhiều bộ phận trong cơ thể ấy. Vào những năm đầu thế kỉ XX, cũng như thực trạng chung của Phật giáo trên toàn quốc, Phật giáo miền Trung đã bộc lộ những dấu hiệu của sự suy yếu. Đó là tình trạng *“tăng đồ trong nước dần dần sa vào con đường truy lạc, cờ bạc, rượu chè, đâm trộm thanh sắc”* [6, tr. 233]. Sự kiện này làm cho những người nhìn xa trông rộng lo âu. Làm thế nào để kết hợp *“chư sơn Tự Tăng”* (chỉ các vị xuất gia ở chùa) lại với nhau để có một đường lối phát triển Phật giáo đúng đắn, hợp với quy luật tiến hóa của nhân loại, thứ nữa là phải giải quyết nạn thất học trong tăng giới, nhằm đào tạo một lớp sư tăng trẻ tuổi để những người này trở thành thông kinh điển nhà Phật.

Hình thức đào tạo tăng tài đầu tiên làm nền tảng cho sự ra đời của các Phật học đường đó là các *“Đạo tràng”* do các ngài Huệ Pháp, Tâm Tịnh,... tổ chức. *“Cứ vào mùa hạ, vị hòa thượng ở chùa tập trung một số đệ tử giảng Kinh - Luận - Luật bằng Hán văn ghi chép rất đơn giản. Bàn ghế ngồi không cần thiết, ngồi ở bàn, ở giường và thậm chí ngồi trên nền. Dẫu sao người học hiểu được và hành trì tu chứng thăng tiến là tốt”* [1, tr. 393]. Hình thức thứ hai là *“Sơn môn học đường”* do Đại sư Giác Tiên tổ chức tại chùa Trúc Lâm (Huế). Các Thiền sư Mật Khê, Mật Nguyên, Mật Thể, Mật Hiển, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là những người có vai trò to lớn đối với phong trào chấn hưng Phật giáo sau này đã theo học ngay từ những khóa đầu tiên.

Năm 1933, Thiền sư Giác Tiên cùng đệ tử là Mật Khê đã khai giảng lớp học *“An Nam Phật học đường”* đầu tiên tại chùa Vạn Phước (Huế), nhận 50 tăng sinh chưa thọ Sa di giới vào học. Đến năm 1935, lớp học thứ hai do Thiền sư Giác Tiên và Mật Khê tổ chức tại chùa Trúc Lâm (Huế). Chương trình học được hoạch định làm hai cấp là tiểu học và đại học. Sau khi tốt nghiệp tiểu học, học tăng thụ Sa di giới và đủ điều kiện học lên đại học. Tốt nghiệp đại học học tăng được thụ Tỳ Khưu giới. Sau khi học xong đại học, học tăng có thể ở lại trường ghi tên vào lớp Tham cứu, lớp học này cũng được tổ chức trong vòng 5 năm. *“Điểm tích cực của chương trình này là xây dựng một chương trình đào tạo tăng tài rõ ràng với hai cấp học cho mỗi học tăng, số lượng học phần cụ thể cho mỗi năm, số lượng năm học cho mỗi cấp. Tuy nhiên, hạn chế của chương trình này là chương trình học quá nặng và còn nhiều chỗ chưa hợp lý”* [3, tr. 102].

Đến năm 1944, một chương trình học mới được xây dựng thành 3 cấp sơ đẳng, trung đẳng và cao đẳng. So với chương trình học được hoạch định vào năm 1934,

chương trình học lần này thực tế hơn và đã có bổ sung một số tác phẩm mới như những sách giảng lục của Thiền sư Thái Hư và Đại Viên. Đồng thời, để được vào học, học tăng phải trải qua một kì khảo thí với trình độ căn bản là: đầu sơ học Pháp - Việt; biết đọc và biết viết chữ Hán; thông thạo chữ Quốc ngữ, có thể dịch một bài kinh luận từ chữ Hán ra chữ Quốc ngữ và một vài câu quốc văn ra chữ Hán [3, tr. 393].

Song song với việc hoạch định chương trình học tập, Hội An Nam Phật học tích cực khuyến khích mở các Phật học đường tại các cấp cơ sở. Đồng thời, Hội còn ban hành những chỉ dẫn cụ thể về thể thức thành lập Phật học đường: *Về mặt tài chính*, cần có từ 100 đến 150 đồng để làm phương tiện chuẩn bị cư xá cho học tăng và lộ phí cho giảng sư. *Đối với trường học*, chọn chùa rộng rãi, khí hậu tốt không sinh bệnh, các tăng sĩ cư trú nổi tiếng là giới hạnh tinh nghiêm. *Đối với giảng sư*, chọn trong số các vị tăng sĩ địa phương hai vị giảng sư, một vị trưởng một vị phó. *Đối với học tăng*, chọn những chú tiểu thông minh và phúc hậu, con nhà hiền lành từ mười tới hai mươi tuổi nên lớp sơ đẳng.

Có thể nhận thấy rằng, chương trình giáo dục trên đây là hết sức tích cực. Nhờ có đường hướng giáo dục đúng đắn, khoa học và sự tham gia giảng dạy của các bậc tôn túc có trình độ học vấn, có phương pháp giảng dạy nên đã thu hút được đông đảo tăng tín đồ theo học. Hàng vạn tăng sinh được đào tạo về mặt chuyên môn cũng như được giáo dục về tư tưởng lối sống đều xuất phát từ các mái trường của Phật giáo miền Trung đã nhanh chóng hoà nhập vào quá trình xây dựng và bảo vệ sự vẹn toàn của đạo pháp sau này. Những vị lãnh đạo cao cấp trong Phật giáo Trung ương cũng như các tỉnh đều xuất thân từ các Phật học đường tại miền Trung như Thích Thiện Hoa, Thiện Hoà, Thiện Siêu, Trí Quang, Thiện Minh, Trí Tịnh, Trí Thủ, Tịnh Khiết...

4. KẾT LUẬN

Có thể nói, phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung diễn ra vào nửa đầu thế kỉ XX có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Nó đã tạo ra một bước ngoặt trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Bởi vì, với công cuộc chấn hưng này, lần đầu tiên trong lịch sử, Phật giáo Việt Nam có sự đổi mới căn bản tổ chức tăng đoàn Giáo Hội và hình thức đào tạo tăng tài. Sự ra đời của hội Phật giáo ba kỳ Bắc - Trung - Nam và chi hội Phật giáo ở các tỉnh đã thúc đẩy hoạt động tôn giáo của đạo Phật ở Việt Nam tiến lên phía trước. Hoạt động tạo tăng ni không dừng lại ở các tổ đình, các khoá hạ dưới mái chùa, mà đã tiến tới thành lập các trường lớp đào tạo tăng tài từ sơ cấp đến cao cấp rất quy củ và có hệ thống gắn liền với việc đi sâu nghiên cứu Phật học.

Trên một phương diện khác, phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Trung có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giới Phật giáo và ngoài xã hội. Chấn hưng Phật giáo đã đưa Phật giáo trở lại đúng với truyền thống và vai trò, vị trí của Phật giáo trong xã hội Việt Nam. Chấn hưng Phật giáo là bước chuẩn bị để Phật giáo Việt Nam - với vai trò “*Hộ quốc an dân*”, tiếp bước cùng dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ. Chấn hưng Phật giáo tạo ra nguồn mạch để sau này, khi đất nước thống nhất, non sông quy về một mối. Năm 1981, giới Phật giáo Việt Nam đã đi đến quyết định thống nhất Phật giáo, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam - ngôi nhà chung của Phật giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Lê Văn Đính (2004), “Về lịch sử hình thành và hoạt động của Gia đình Phật tử trong Phật giáo Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr.26 - 35.
- [3] Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb Văn học Hà Nội.
- [4] Mục “Luận đàn: Chúc từ của cụ chánh Hội trưởng Nguyễn Khoa Tân”, *Nguyệt san Viên âm* (1935), Số 12, tr.61 - 65.
- [5] *Nguyệt san Viên âm* (1936), số 21, tr.59 - 60.
- [6] Thích Mật Thể (1960), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Minh Đức tái bản và phát hành, Huế.
- [7] Trần Thiều (2006), “Khái lược sự phát triển của Phật giáo Thừa Thiên Huế giai đoạn 1930 - 1945”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4, tr.25 - 32.
- [8] Nguyễn Quốc Tuấn (2012), “*Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX*”, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

SOME IMPACT FROM BUDDHIST IMPROVING MOVEMENT CENTRAL ON THE DEVELOPMENT OF VIETNAMESE BUDDHISM

Duong Thanh Mung

College of Education, Hue University

Abstract. *The Buddhist improving movement in the central region which took place in the early decades of the 20th century was one of the prominent phenomena in Vietnamese historical ideology in modern time. It has been created a new turning point in promoting the development of Vietnamese Buddhism in the next decades. This article focuses on the analysis and presentation some basic impact from Buddhist improving movement in the central area on the development of Buddhism in Vietnam. It thereby makes contributions to the sources in order to enrich the features of our nationally ideological history taken in the 20th century.*

Key words: *Improve; Buddhism movement; central region*